

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV21B1** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH03069** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Động vật hại NN - Kiểm dịch TV**
Số tín chỉ: **3**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTBV0128	Trần Ngọc Tường Duy	02/01/2006			8	8	8	8.5			0.0	0.0	3.3
2	21BTBV0129	Phạm Hoài Đức	20/05/2001			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
3	21BTBV0130	Nguyễn Phát Học	25/07/2006			8	8	8.5	8			9.0		8.7
4	21BTBV0131	Nguyễn Thị Kim Huệ	02/06/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
5	21BTBV0132	Trịnh Quốc Hùng	29/08/2006			8	8	9.5	8			10.0		9.4
6	21BTBV0133	Nguyễn Chấn Hưng	16/07/2006			8	9	7	8			6.0		6.7
7	21BTBV0134	Võ Hoàng Huy	12/11/1999			10	9	9	8.5			10.0		9.6
8	21BTBV0135	Lương Nhĩ Khang	16/07/2006			8	9	7	8			6.0		6.7
9	21BTBV0136	Huỳnh Thị Diễm My	31/10/2006			8	9	8	8.5			0.0	0.0	3.3
10	21BTBV0137	Nguyễn Thị Thảo Ngân	22/03/2002			7	8	8	7			10.0		9.0
11	21BTBV0138	Phạm Thành Ngoan	10/09/2003			8	9	9	8			7.0		7.6
12	21BTBV0139	Lê Thị Mỹ Nguyên	15/01/2006			8	8	8	9			0.0	0.0	3.3
13	21BTBV0140	Huỳnh Tốt Nhiều	30/06/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
14	21BTBV0141	Đặng Văn Quang	21/11/2006			8	8	8	7.5			5.0		6.1
15	21BTBV0142	Trần Gia Thắng	22/12/2006			8	8	8	8			6.0		6.8
16	21BTBV0143	Võ Thị Mỹ Tiên	19/09/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
17	21BTBV0144	Nguyễn Thanh Trọng	22/05/1995			8	9	8	8			8.5		8.4
18	21BTBV0145	Trần Minh Trọng	18/05/2004			9	8	8	8			8.5		8.4
19	21BTBV0146	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	11/06/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
20	21BTBV0147	Huỳnh Đông Vĩ	28/02/2006			9	8	9	8			0.0	0.0	3.4
21	21BTBV0148	Hồ Thị Như Ý	05/01/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
22	21BTBV0333	Đoàn Thanh Phúc	10/10/2005			8	8	9	7			8.5		8.3
23	21BTBV0336	Nguyễn Triệu Phú	29/12/2003			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
24	21BTBV0586	Chau Sóc Cươl	10/04/2003			8	8	8	7			10.0		9.1

Châu Đốc, ngày 25 tháng 8 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Huỳnh Kim Tiên